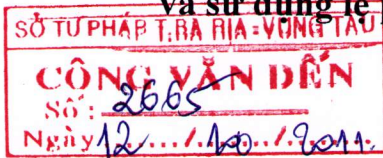


Số: 62/2011/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 10 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mức thu và chế độ thu, nộp, quản lý  
và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp Chứng minh Nhân dân  
trên địa bàn tỉnh BR-VT**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BR-VT**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 15 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí đăng ký cư trú;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BCA-C11 ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Bộ Công an hướng dẫn một số điểm về lệ phí đăng ký cư trú, cấp Chứng minh Nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2011/NQ-HĐND ngày 22 tháng 07 năm 2011 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khóa V, kỳ họp thứ 2 về quy định mức thu lệ phí đăng ký cư trú, cấp Chứng minh Nhân dân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tại Tờ trình số 376/TTr-CAT-STC ngày 04/07/2011 về việc đề nghị UBND tỉnh ban hành Quyết định về việc quy định mức thu và chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Quy định mức thu và chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp Chứng minh Nhân dân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu như sau:

### **1. Mức thu lệ phí đăng ký cư trú.**

#### **a) Đối với các phường thuộc TP.Vũng Tàu:**

- Đăng ký chuyển đến cả hộ (Kể cả đăng ký thường trú, tạm trú): 10.000đ/lần.
- Cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu và sổ tạm trú do bị hư hỏng, bị mất: 10.000đ/lần cấp.
- Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (trừ các trường hợp được miễn và không thu ): 4.000đ/lần.

**b) Đối với các phường, xã, thị trấn còn lại:** Áp dụng mức thu lệ phí bằng 50% mức thu áp dụng đối với các phường thuộc địa bàn TP.Vũng Tàu.

#### **c) Trường hợp miễn thu lệ phí:**

- Cấp mới sổ tạm trú, cấp mới sổ hộ khẩu trong các trường hợp sau đây:
  - + Trước đây chưa được cấp sổ hộ khẩu do không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc đã đăng ký thường trú nhưng chưa được cấp sổ hộ khẩu, nay được cấp sổ hộ khẩu mới theo quy định của Luật cư trú.
  - + Chuyển nơi đăng ký thường trú ra ngoài phạm vi thành phố Vũng Tàu, thị xã Bà Rịa, các xã, thị trấn thuộc huyện và được cấp sổ hộ khẩu mới, trừ trường hợp chuyển cả hộ gia đình.
  - + Tách sổ hộ khẩu.
- Đăng ký mới sinh.
- Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà...*(Kể cả do yêu cầu của công dân.)*

### **2. Mức thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân:**

- Đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại các phường, thuộc TP. Vũng Tàu, : 6.000 đồng/01 lần cấp.
- Đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại các phường, xã, thị trấn còn lại : 3.000 đồng/01 lần cấp.
- Miễn thu lệ phí cấp mới CMND và khi cấp đổi CMND do CMND hết thời hạn sử dụng (quá 15 năm kể từ ngày cấp).

### **3. Đối tượng không thu phí đăng ký cư trú, cấp CMND:**

#### **a) Đối tượng không thu phí đăng ký cư trú.**

- Bố mẹ, vợ (hoặc chồng), con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng.
- Hộ gia đình theo diện xoá đói giảm nghèo.
- Đính chính thay đổi lại các nội dung thông tin trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú do lỗi của cơ quan đăng ký cư trú làm sai của công dân.

#### **b) Đối tượng không thu phí CMND.**

- Bố mẹ, vợ (hoặc chồng), con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng.
- Cấp đổi CMND do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà mới.
- Cấp đổi, lại CMND có sai sót về các nội dung thông tin ghi trong CMND do lỗi cơ quan cấp CMND.

### **4. Quản lý, sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, cấp CMND:**

- Thực hiện theo Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 07/2008/TT-BTC ngày 15/01/2008 của Bộ Tài chính về lệ phí đăng ký cư trú và Thông tư số 06/2008/TT-BCA-C11 ngày 27/5/2008 của Bộ Công an hướng dẫn một số điểm về lệ phí đăng ký cư trú, cấp Chứng minh nhân dân.

- Căn cứ vào tình hình thực tế UBND tỉnh đồng ý cho trích lại 100% lệ phí đăng ký cư trú, cấp CMND để phục vụ cho công tác của ngành công an trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác đăng ký cư trú, cấp Chứng minh nhân dân như in ấn hoặc mua biểu mẫu, sổ sách; mua sắm máy móc, vật tư;

+ Chi văn phòng phẩm, công tác phí, khen thưởng, bồi dưỡng làm ngoài giờ cho cán bộ trực tiếp làm công tác đăng ký cư trú, cấp Chứng minh nhân dân;

+ Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật phục vụ đến công tác đăng ký cư trú, cấp Chứng minh nhân dân.

#### **Điều 2. Xử lý vi phạm**

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ quy định về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí.

#### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính; Kho bạc Nhà nước; Cục thuế; Công an tỉnh; Công an thành phố, thị xã, công an các Phường; công an các xã, thị trấn thuộc huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:* 

- Như Điều 4;
- Văn phòng chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ tài chính (vụ pháp chế);
- Bộ Công an;
- Bộ tư pháp (cục KT văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (Theo dõi);
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo BR-VT;
- Lưu: VT. 

**TM. UBND TỈNH BR-VT** 

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Văn Niên**